

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 07 - 01 - 2022
V/v yêu cầu không công nhận
vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Hứa Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc yêu cầu không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 343/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 330/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông M. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T trình bày: Bà T và ông M là vợ chồng chấp nối, hai người về sống chung một nhà từ năm 2016 nhưng không có đăng ký kết hôn và không có con chung. Sau khi về sống chung giữa hai người xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông M đối xử tệ bạc với bà T, vì thương ông M nên bà T vẫn nhẫn nhịn, nhưng bà T càng nhịn thì ông M càng quá đáng, thậm chí khi bà T té gãy tay không làm được gì thì ông M cũng không quan tâm, lo lắng cho bà T, mọi sinh hoạt hàng ngày bà T phải nhờ vào sự giúp đỡ từ người khác.

Nay bà T nhận thấy vợ chồng không thể sống chung được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

+ Về hôn nhân: Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà T và ông M là vợ chồng.

+ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp và bà T cũng bận nhiều công việc, nên bà T đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Mọi vấn đề có liên quan bà T vẫn giữ nguyên theo đơn khởi kiện cũng như những lời trình bày có trong hồ sơ vụ án. Bà T cam kết không khiếu nại gì về sau.

- *Bị đơn ông M*: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông M nhưng ông M không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì bà T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, về hôn nhân, bà T yêu cầu không công nhận bà T và ông M là vợ chồng; về con chung, tài sản chung, nợ chung, bà T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp yêu cầu không công nhận vợ chồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông M là bị đơn, có địa chỉ thường trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc

xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng: Bà T và ông M đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn, sự việc này đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng xác nhận tại nội dung Công văn số 209/UBND ngày 01/11/2021. Quá trình giải quyết vụ án, bà T trình bày bà T và ông M là vợ chồng chấp nối, hai người về sống chung một nhà từ năm 2016 nhưng không có đăng ký kết hôn, sau khi về sống chung giữa hai người xảy ra nhiều mâu thuẫn, do nhận thấy việc chung sống với nhau như vợ chồng không thể kéo dài nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà T và ông M là vợ chồng. Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông M đều vắng mặt, không tham gia tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến trình bày của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, tức là ông M đã không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bà T đưa ra, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xác định lời trình bày của bà T là đúng sự thật. Như vậy, bà T và ông M là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, đồng thời quan hệ của bà T và ông M không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà T và ông M là vợ chồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và giải quyết không công nhận bà T và ông M là vợ chồng.

[5] Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con: Bà T trình bày giữa bà T và ông M không có con chung và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng: Bà T trình bày giữa bà T và ông M không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền 300.000đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

1.1. Về quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà T và ông M là vợ chồng.

1.2. Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng: Bà T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà T đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001411, ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- UBND xã B (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt